

Số: **0993** /BC-KTTC  
V/v giải trình lợi nhuận chênh lệch  
10% so với cùng kỳ năm trước

Tp.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2021

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành giải trình về việc lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo tài chính Quý 1 năm 2021 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2020 như sau:


- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2020 là: 20.799.991.605 đồng
- Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2021 là: 12.433.732.683 đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020	Chênh lệch so với cùng kỳ năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.633.555.249	128.870.720.777	(21.237.165.528)
2	Giá vốn hàng bán	73.475.794.695	83.533.210.940	(10.057.416.245)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.157.760.554	45.337.509.837	(11.179.749.283)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	158.927.083	140.633.534	18.293.549
5	Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	399.659.795 399.659.795	527.914.562 527.914.562	(128.254.767) (128.254.767)
6	Chi phí bán hàng	12.789.645.805	13.799.386.555	(1.009.740.750)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.308.489.820	8.100.735.231	(792.245.411)
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.818.892.217	23.050.107.023	(9.231.214.806)
9	Thu nhập khác	3.462.045	60.994.760	(57.532.715)
10	Chi phí khác	7.095.725	-	7.095.725
11	Lợi nhuận khác	(3.633.680)	60.994.760	(64.628.440)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.815.258.537	23.111.101.783	(9.295.843.246)
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.381.525.854	2.311.110.178	(929.584.324)
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.433.732.683	20.799.991.605	(8.366.258.922)

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2021 giảm 8.366.258.922 đồng so với quý 1 năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu là:

(1)	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 21.237.165.528 đồng do sản lượng nước bán ra giảm 1.670.205 m <sup>3</sup>
(2)	Giá vốn hàng bán giảm 10.057.416.245 đồng, tuy sản lượng mua vào giảm nhưng đơn giá mua vào tăng 361.67 đồng/m <sup>3</sup>
(3)	Từ điểm (1) và (2) trên, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 11.179.749.283 đồng (= 21.237.165.528 – 10.057.416.245)
(4)	Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 18.293.549 đồng do Công ty có các hợp đồng tiền gửi từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.
(5)	Chi phí tài chính giảm 128.254.767 đồng do đã thanh toán được một phần nợ gốc.
(6)	Chi phí bán hàng giảm 1.009.740.750 đồng, chủ yếu là giảm chi phí sửa chữa ống mục vì Quý 1 năm 2021 vẫn còn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid – 19 nên hạn chế thực hiện các công tác thi công sửa chữa ống mục.
(7)	Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 792.245.411 đồng do giảm chi phí dịch vụ mua ngoài.
(8)	Từ các nguyên nhân trên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty quý 1 năm 2021 giảm 9.231.214.806 đồng.
(9)	Thu nhập khác giảm 57.532.715 đồng do trong quý không thu được khoản nợ khó đòi tiền nước từ các năm trước.
(10)	Chi phí khác tăng 7.095.725 đồng
(11)	Từ điểm (9) và (10) dẫn đến Lợi nhuận khác giảm 64.628.440 đồng
(12)	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 9.231.214.806 đồng, lợi
(13)	nhuận khác giảm 64.628.440 đồng, nên Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
(14)	giảm 9.295.843.246 đồng. Từ đó, dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp quý 1 năm 2021 giảm 929.584.324 đồng

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2021 của Công ty.

Trân trọng. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: KTTC, VT



*Nguyễn Thành Phúc*